

THỰC TRẠNG PHÂN LUỒNG TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VIỆT NAM

Trong quá trình hơn 25 năm đổi mới, công tác phân luồng học sinh (HS) đã có những đóng góp lớn trong việc phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, tạo nên những thành quả trong phát triển KT - XH và từng bước đáp ứng nhu cầu học tập của người dân.

Phân luồng HS sau THCS không phải là ép buộc những HS sau trung học cơ sở (THCS) yếu thế về học lực và hoàn cảnh kinh tế về phía những phương thức học tập bất lợi, mà là tạo ra phương thức học phù hợp và cơ hội học tập có hiệu quả đáp ứng được nhu cầu nguyện vọng được học, nguyện vọng có nghề nghiệp của họ. Thực hiện phân luồng HS sau THCS lành mạnh, đúng hướng thực chất là nâng cao hiệu quả giáo dục và hiệu quả xã hội. Như vậy, phân luồng HS sau THCS chẳng những không làm triệt tiêu các cơ hội học lên của HS mà còn đa dạng hoá phương thức học, luồng học cho người học, tạo điều kiện thích hợp cho nhiều người học và cho cả việc học lên của HS.

Việt Nam thực hiện phổ cập giáo dục THCS. Sau giáo dục THCS, hệ thống giáo dục được phân thành 2 luồng: luồng giáo dục phổ thông (GDPT) và luồng giáo dục nghề nghiệp. Bên cạnh hệ thống giáo dục chính quy, còn có hệ thống giáo dục thường xuyên (GDTX). Như vậy, sau khi tốt nghiệp THCS, tùy theo năng lực và nguyện vọng của mình, HS có thể đi vào 4 luồng sau: học tiếp lên THPT; học bổ túc trung học phổ thông (THPT); học nghề hoặc trung cấp chuyên nghiệp (TCCN); tham gia vào thị trường lao động

Đối với luồng HS tốt nghiệp THCS vào THPT, số liệu thống kê giáo dục cho thấy, trong thời gian qua, tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS vào học THPT đã tăng gần gấp đôi, từ 40,3% (năm học 1990 - 1991) lên 80,4% (năm học 2011 - 2012). Năm 2017-2018 tỷ lệ là 85%.

GDNN bao gồm TCCN và Dạy nghề. Dạy nghề gồm có Sơ cấp nghề; Trung cấp nghề và CĐ nghề. GDNN có các hình thức: Chính quy; Vừa làm, vừa học và Tự học có hướng dẫn. Hệ thống trường có trường thuộc Bộ ngành và trường thuộc tỉnh. Loại hình trường có trường công lập và trường tư thục.

Trong những năm gần đây, công tác đào tạo nghề và TCCN đã được chú trọng hơn. Mạng lưới các cơ sở đào tạo nghề và TCCN được mở rộng.

Năm học 2012 - 2013, cả nước có 596 cơ sở đào tạo TCCN, trong đó có 272 trường TCCN; 204 trường CĐ đào tạo TCCN; 86 trường ĐH đào tạo TCCN và 34 cơ sở khác đào tạo TCCN.

Năm học 2014 - 2015, cả nước có 295 trường TCCN (175 trường công lập và 120 trường tư thực) với quy mô đào tạo là 349.651 HS; Có 301 trường trung cấp nghề với quy mô đào tạo là 132.651 HS và có 171 trường CĐ nghề với quy mô đào tạo là 87.988 SV.

Tới năm 2017, cả nước có hơn 1.989 cơ sở GDNN, gồm 409 trường cao đẳng (trong đó có 190 trường CDN, 219 trường cao đẳng), 583 trường trung cấp (trong đó 280 trường TCN, 303 trường trung cấp) và 997 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, năm học này tuyển sinh được hơn 20 sinh viên học nghề.

Mạng lưới cơ sở dạy nghề đã được phát triển rộng khắp ở 63 tỉnh, thành phố, trên 600 huyện, quận, thị xã, các khu công nghiệp, khu chế xuất, làng nghề; phân bố tương đối hợp lý ở các ngành kinh tế, địa phương, vùng, miền, tạo cơ hội cho mọi người có nhu cầu học nghề đều được học nghề phù hợp. Đây là cơ hội cho các HS vào học nghề và TCCN phù hợp với nguyện vọng và năng lực của bản thân, số liệu thống kê cho thấy, tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS và THPT vào dạy nghề đã tăng lên từ 7,3% (năm 2001) lên là 9,3% (năm 2006). Đặc biệt, tỷ lệ tuyển sinh vào các cơ sở đào tạo nghề tăng 142% tại kỳ tuyển sinh 2018.

Tỷ lệ HS vào học CĐ, ĐH ngày càng tăng, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, số trường ĐH, CĐ tăng từ 191 trường năm 2001 tăng lên 414 trường năm 2010. "Quy mô giáo dục tăng nhanh, nhất là ở bậc ĐH và đào tạo nghề".

Năm học 2014 - 2015, cả nước có 219 trường ĐH, 217 trường CĐ (không tính các trường thuộc khối an ninh, quốc phòng, quốc tế), trong đó có 60 trường ĐH và 28 trường CĐ ngoài công lập. Quy mô SV CĐ, ĐH là 2.363.942, trong đó: ĐH là 1.824.328 và CĐ là 539.614. Tỷ lệ SV trên 1 vạn dân đạt 260. Ngoài ra, năm học 2016-2017, hiện có 235 trường đại học, học viện (bao gồm 170 trường công lập, 60 trường tư thực và dân lập, 5 trường có 100% vốn nước ngoài), 37 viện nghiên cứu khoa học được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ, 33 trường cao đẳng sư phạm và 2 trường trung cấp sư phạm. Hiện có 155 cơ sở đào tạo giáo viên. Tổng số sinh viên đại học năm học 2016-2017 là 1.767.879 sinh viên (tăng 0,8% so với năm học 2015-2016)

Trong những năm qua, sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế đòi hỏi sự thay đổi cơ cấu nhân lực phù hợp. Công tác phân luồng trong hệ thống giáo dục đã góp phần đáp ứng sự chuyển đổi cơ cấu đào tạo của lực lượng lao động.

Mặc dù đạt được những kết quả trên, nhưng công tác phân luồng HS còn tồn tại những bất cập sau:

Tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS vào học THPT vẫn cao làm ảnh hưởng đến cơ cấu đào tạo của lực lượng lao động

Tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS vào học THPT tăng từ 70,7% (năm học 2007 - 2008) lên 80,4% (năm học 2011 - 2012). Như vậy, học tiếp lên THPT vẫn là luồng chủ yếu mà HS THCS hướng tới, mặc dù có nhiều em HS do hoàn cảnh khó khăn hoặc bị hạn chế về năng lực đã bỏ học khi chưa hoàn thành THPT. Tỷ lệ này còn cao hơn ở một số thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh

Tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS vào học nghề và TCCN thấp và có xu hướng giảm (từ 2,08% năm học 2009 - 2010 xuống 1,88% năm học 2011-2012). Một số lượng tương đối lớn (khoảng 13,8%) HS tốt nghiệp THCS tham gia vào thị trường lao động mà không qua đào tạo, làm ảnh hưởng đến chất lượng và cơ cấu đào tạo của lực lượng lao động. Kỳ thi tốt nghiệp và tuyển sinh năm 2018, chỉ có khoảng hơn 10% học sinh chọn tốt nghiệp THCS và tham gia vào học nghề TCCN.

Khi nghiên cứu về nguyện vọng của các em HS vào học ở cơ sở giáo dục nào sau khi tốt nghiệp THCS cho thấy: Tỷ lệ các em HS muốn vào học THPT đều cao, chiếm khoảng 58-69%. Tỷ lệ các em muốn vào học TCCN và trung cấp nghề thấp và có sự khác biệt rất lớn giữa các tỉnh (Thái Nguyên là 21% và 17,3%, Quảng Ngãi là 7,1% và 5,5%; Hà Nội là 2,9% và 1,8%)

Tỷ lệ HS tốt nghiệp THPT vào học nghề và TCCN thấp và xu thế vào ĐH vẫn là con đường duy nhất mà các em lựa chọn. Kết quả khảo sát về phân luồng HS sau THPT của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam năm 2011, cho thấy có tới 97,7% trong tổng số 1.737 HS của 20 trường THPT trên 10 tỉnh/thành phố đại diện cho 3 vùng Bắc, Trung và Nam trả lời sẽ thi vào ĐH sau khi tốt nghiệp THPT. Trong đó có 4 tỉnh (Hưng Yên, Thanh Hoá, Quảng Nam và Đồng Nai) thì con số này là 100%. Như vậy xu hướng vào CĐ, ĐH vẫn là mong muốn của phần lớn HS phổ thông.

Phân luồng HS sau THPT của TP. Hồ Chí Minh năm học 2010-2011

	Tổng số học HS tốt nghiệp THPT	Luồng vào học sau tốt nghiệp THPT					
		ĐH	CD	TCCN	Trung cấp nghề	Học nghề ngắn hạn	Tham gia vào thị trường lao động
HS tốt nghiệp THPT	37.396	9.572	8.069	3.549	1.172	1.396	13.638
Tỷ lệ %	100%	25,6%	21,6%	9,4%	3,1%	3,7%	36,6%

Nguồn: Đề tài cấp Bộ GD&ĐT. Mã số: B2010-37-89CT

Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê và Bộ GD&ĐT mới đây cho thấy, mỗi năm có khoảng từ 90 - 95% HS tốt nghiệp THCS vào THPT; khoảng một triệu HS tốt nghiệp THPT nhưng có tới 90% thi vào các trường ĐH, CD và chỉ khoảng 10% học nghề. Thực tế, số đỗ chính thức vào các trường ĐH khoảng 60% nhưng số còn lại sẽ tiếp tục vào các trường ĐH tư thục, hoặc các trường CD.

Năm 2015, trong tổng số 1.004.484 thí sinh dự thi THPT quốc gia có 735.000 thí sinh tham gia xét tuyển vào ĐH và có 531.180 thí sinh đỗ vào các trường ĐH. Số còn lại, gần 200 nghìn sẽ vào các trường ĐH top dưới và các trường CD. Như vậy, có thể thấy gần như không còn người để đi học nghề.

Thực hiện khảo sát tình hình phân luồng học sinh sau THCS trên toàn quốc năm học 2017-2018 do Bộ Giáo dục và đào tạo công bố cho thấy, có tới 79,6% học sinh học lên THPT; 5,6% học hệ giáo dục thường xuyên (GDTX), 7,8% học các trường nghề và 4,6% tham gia vào thị trường lao động. Ở Hà Nội, năm học 2018-2019, khối GDTX của Hà Nội mới tuyển sinh vào lớp 10 được 6.721 học viên. So với chỉ tiêu được giao là 8.500 thì vẫn còn thiếu 1.800 em. Mặc dù số học sinh tốt nghiệp THCS năm nay của Hà Nội tăng hơn 22.000 so với năm học trước thì việc các trung tâm GDTX vẫn không tuyển sinh được đủ tiêu chuẩn lý giải là do quan niệm của nhiều gia đình cho rằng đây là các trung tâm bổ túc văn hóa, nếu học ở đây sau này con khó có cơ hội thi đỗ vào các trường đại học, cao

đăng. Nhiều phụ huynh vẫn quan niệm, giáo dục thường xuyên dành cho trẻ em hư, năng lực văn hóa kém....

Như vậy, có thể thấy, mặc dù đã có những chủ trương, chính sách cụ thể cho việc phân luồng trong giáo dục phổ thông, tuy nhiên, trên thực tế, tư duy giáo dục của người làm quản lý và cha mẹ học sinh không thay đổi, dẫn tới việc chính sách đưa ra không thực hiện được như mong đợi. Bên cạnh đó, sự phân luồng HS không hợp lý đã dẫn đến những hậu quả sau:

Thứ nhất, mất cân đối về cơ cấu tuyển sinh, cơ cấu đào tạo và số lượng cơ sở đào tạo

Tuyển sinh CĐ, ĐH tăng trên 13,7 lần, từ 37.404 SV năm 1986 - 1987 lên 512.000 SV năm học 2010 - 2011. Trong khi đó dạy nghề chỉ tăng khoảng trên 5 lần, từ 53.000 HS năm 1986 - 1987 lên 260.000 HS năm 2006 - 2007. Nếu tính cả dạy nghề ngắn hạn, thì số lượng tuyển sinh dạy nghề tăng từ 887,3 ngàn người (ngoài công lập 170 ngàn) năm 2001 lên 1,748 triệu người (ngoài công lập 625 ngàn) năm 2010, tăng 1,96 lần, trong đó trình độ trung cấp nghề và CĐ nghề tăng 2,2 lần. Năm học 2018-2019 tỷ lệ tuyển sinh đại học tăng 6,9% so với năm trước (925.961 người)

Quy mô đào tạo trình độ CĐ, ĐH tăng trên 15 lần, từ 127.000 SV năm 1986 - 1987 lên 1.884.262 SV năm 2008 - 2009; TCCN chỉ tăng 4,5 lần, từ 138.000 HS (năm học 1986 - 1987) lên 625.516 HS (năm học 2008 - 2009) và đào tạo nghề tăng trên 5 lần, từ 120.000 lên 605.457 HS (năm 2008- 2009). Năm học 2015-2016 quy mô hệ đào tạo CĐ trong là gần 450 nghìn sinh viên, giảm 17% so với năm 2014-2015 và 31% so với năm 2013-2014.

Số lượng các trường CĐ, ĐH tăng trên 4 lần từ 93 trường (năm 1986) lên 412 trường (năm 2012) và đạt 436 trường (năm 2015). Còn dạy nghề 366 trường năm 1986, giảm còn 129 trường năm 1998, sau tăng 262 trường năm 2006. Đến năm 2010, cả nước có 423 trường đào tạo nghề, trong đó có 123 trường CĐ nghề (bao gồm 33 trường ngoài công lập), 300 trường trung cấp nghề (bao gồm 94 trường ngoài công lập) và 810 trung tâm dạy nghề (bao gồm 296 trung tâm ngoài công lập) và hơn 1000 cơ sở khác (các cơ sở giáo dục, đào tạo, doanh nghiệp...) tham gia dạy nghề. Năm 2012, tổng số trường dạy nghề là 455 trường (tăng 1,2 lần so với năm 1986). Đến 2015, tổng số trường dạy nghề là 470 trường

	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2014-2015
CD, ĐH	369	376	386	419	436
TCCN	273	282	290	295	313
Cơ sở đào tạo nghề	1.206	1.283	1.233	1.295	1.467
Trong đó:					
- CD nghề	102	118	123	135	190
- Trung cấp nghề	240	301	300	320	280
- TT dạy nghề	864	864	810	840	997

Như vậy, có thể thấy tỷ lệ lao động được đào tạo nghề và TCCN đã giảm xuống và tỷ lệ lao động có trình độ ĐH trở lên tăng hơn.

Trong Điều tra biến động dân số 2015, trình độ chuyên môn kỹ thuật được phân tổ theo bốn nhóm: Sơ cấp nghề, Trung cấp, CD và ĐH trở lên. Trong tổng dân số từ 15 tuổi trở lên, tỷ trọng của nhóm “Không chuyên môn kỹ thuật” chiếm 84,4%, tăng 1,6 phần trăm so với Điều tra biến động dân số 2014. Tuy nhiên, trình độ học vấn ở cấp cao nhất là ĐH trở lên lại tăng so với Điều tra biến động dân số 2014, 7,4% so với 6,9%.

Năm 2017, cả nước hiện có 235 trường đại học, 1,76 triệu sinh viên, tổng số ngành mở mới ở trình độ đại học là 184 ngành, tập trung chủ yếu vào các nhóm ngành Kỹ thuật. Như vậy, nhu cầu vào đại học vẫn tăng cao, việc phân luồng trong giáo dục phổ thông chưa thực sự hiệu quả trên thực tế.

Có thể nói, sự phân luồng bất hợp lý trong cơ cấu tuyển sinh giữa các trình độ đào tạo (CD, ĐH với TCCN và dạy nghề) đã dẫn đến tình trạng mất cân đối về cơ cấu đào tạo và dẫn đến sự mất cân đối về cơ cấu nguồn nhân lực. Trong những năm qua đã tồn tại sự bất hợp lý trong cơ cấu tuyển HS sau THPT vào CD, ĐH (46,6%) so với dạy nghề (9,3%) dẫn đến tình trạng mất cân đối về cơ cấu nguồn nhân lực

Trong thời kỳ đầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đại bộ phận lực lượng lao động làm việc với quy trình công nghệ nửa cơ giới và cơ giới thì cơ cấu nguồn nhân lực như trên là không thể chấp nhận được. Như vậy, sự phân luồng bất hợp

lý giữa các trình độ đào tạo (CĐ, ĐH với TCCN và dạy nghề) đã dẫn đến tình trạng "thừa thầy thiếu thợ", không đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội.

Sự chênh lệch giữa các luồng HS sau THCS vào THPT (79,8%) so với luồng vào dạy nghề (9,3%) tạo ra sức ép tâm lý rất lớn đối với HS, phụ huynh và toàn xã hội khi kỳ thi CĐ, ĐH đến. Điều này gây ra tình trạng "quá tải", "chạy đua" vào các trường GD, ĐH, đồng thời gây ra tình trạng "dạy thêm, học thêm" tràn lan trong nhiều năm qua.

Trên thực tế, cuộc "chạy đua vào ĐH đã gây tổn kém tiền của Nhà nước và của nhân dân, vì gia đình phải chi phí đi lại, ăn ở cho các thí sinh khi đi thi CĐ, ĐH. Mặt khác, đa số các ngành đào tạo trong trường TCCN và dạy nghề chỉ cần tuyển HS sau THCS, nhưng vì do HS sau THPT thừa nhiều, do đó các trường TCCN và dạy nghề chỉ tuyển HS sau THPT. Như vậy, số HS tốt nghiệp THCS không được vào THPT (25% hằng năm) sẽ không có cơ hội học tiếp các trường TCCN và dạy nghề. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến những bất cập trên, nhưng có lẽ một số nguyên nhân chính sau đã khiến các em không chọn vào học các trường:

Thứ nhất, nhận thức của một bộ phận người dân, nhà trường và xã hội nói chung đối với GDNN còn khá hạn chế. Tâm lý trọng bằng cấp vẫn còn tồn tại, nhiều gia đình và HS không lường được sức học của bản thân và điều kiện kinh tế gia đình nên thay vì đi tìm con đường học nghề từ sớm, vẫn cố gắng mọi cách để vào ĐH. Thực tế lao động sản xuất, dịch vụ xã hội đã và đang làm thay đổi nhu cầu nhân lực KT theo hướng đòi hỏi cao hơn về trình độ nghề nghiệp, đồng thời tăng số lượng lao động có trình độ TCCN và dạy nghề. Nhưng hiện nay, nhiều HS và gia đình đã không đánh giá đúng được sức học của con em mình, cũng như điều kiện kinh tế của gia đình để tìm con đường học nghề từ sớm. Một mặt, do hệ thống thông tin thị trường lao động nghèo nàn, người lao động không tìm được việc làm và việc làm cũng không tìm được người phù hợp. Mặt khác, do thiếu các chính sách khuyến khích đối với HS được tuyển vào các hệ đào tạo từ các em tốt nghiệp THCS, do đó, các hệ đào tạo này không thu hút được HS.

Theo kết quả nghiên cứu về mức độ tác động của các yếu tố đến phân luồng HS sau THCS, thì yếu tố năng lực của HS và môi trường gia đình có ảnh hưởng nhiều nhất đến sự lựa chọn con đường học vấn của các em.

Hiện nay, tâm lý sinh bằng cấp vẫn còn ảnh hưởng nặng nề trong xã hội. Ông Phạm Ngọc Thanh cho rằng "Trong một xã hội còn nặng tâm lý bằng cấp, có thể hiểu vì sao việc phân luồng HS THCS vào trường nghề, TCCN lại trầy trật. Nhưng nói đi phải nói lại, những chính sách ưu đãi cho đào tạo nghề hiện nay chưa đủ thuyết phục phụ huynh, HS lựa chọn học nghề".

Hiện nay, học phí các trường lớp 10 công lập dao động ở mức 90.000 - 120.000 đồng/tháng, GDTX thấp hơn, chỉ ở mức 65.000 - 70.000 đồng/tháng. Trong khi đó, học phí trường nghề và TCCN một năm 2.000.000 - 4.000.000 đồng. Chị Huỳnh Thị Kim Liên, phụ huynh HS một trường THCS quận 7 TP. Hồ Chí Minh, tâm sự: "Nếu con tôi thi rớt lớp 10, một là cho nghỉ học, hai là học bổ túc văn hoá, chứ tiền đâu học nghề".

Ngoài ra, nhiều người cho rằng "Học nghề ít có cơ hội học lên ĐH và CD" và "Học nghề đi làm có thu nhập thấp". Phần lớn cán bộ quản lý (CBQL) ở các sở/phòng giáo dục, ban giám hiệu, GV của các trường THCS và THPT lại cho rằng "chỉ HS có học lực kém mới đi học nghề". Đây là một định kiến đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc tư vấn của GV cho các em HS khi lựa chọn luồng học sau khi tốt nghiệp THCS.

Lý do khiến HS sau khi tốt nghiệp THCS không muốn vào học nghề cũng có sự khác nhau giữa các địa phương như: Ở Hà Nội và Thái Nguyên, lý do trước tiên là do học nghề ít có cơ hội học lên CD, ĐH; học nghề đi làm có thu nhập thấp (TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội); học nghề khó tìm việc làm (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh); học nghề chưa được xã hội coi trọng...

Thứ hai, chủ trương phân luồng HS đã được khẳng định trong các văn kiện của Đảng và chính sách của Nhà nước thông qua hệ thống văn bản pháp quy khá đầy đủ, nhưng thực tế triển khai đã bộc lộ những bất cập:

Thiếu chính sách khuyến khích học sinh THCS học nghề và khuyến khích các trường nghề tuyển HS THCS. Mặc dù hiện nay Nhà nước đã có chế độ chính sách cho HV học nghề vay 8,6 triệu đồng/năm để trang trải học phí, nhưng nhiều gia đình còn gặp khó khăn, không có tiền để cho con học.

Bên cạnh đó, trong Luật Dạy nghề chưa có quy định về trách nhiệm của các doanh nghiệp về việc đóng góp kinh phí cho việc duy trì và phát triển hệ thống dạy nghề. Nhiều ý kiến cho rằng, cần cho phép doanh nghiệp được trừ khi tính

thu nhập chịu thuế đối với chi phí hoạt động đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân và cho người lao động của doanh nghiệp.

Việc dạy nghề thường xuyên có thời gian đào tạo dưới 3 tháng nhưng chưa được công nhận trình độ đào tạo nghề dưới 3 tháng trong Luật Dạy nghề. Nghĩa là chưa có chứng chỉ pháp lý cho trình độ đào tạo nghề dưới 3 tháng này.

Vấn đề đào tạo liên thông giữa dạy nghề với 3 cấp trình độ (sơ cấp nghề; trung cấp nghề và CĐ nghề) hiện nay chỉ là liên thông dọc. Liên thông ngang chưa được thể hiện rõ ràng, khiến cho việc thiết kế chương trình đào tạo liên thông còn tách rời nhau, chưa tạo động lực thu hút đông đảo thanh niên tham gia học nghề. Hiện nay đã xuất hiện nhu cầu ngày càng nhiều lực lượng kỹ sư thực hành, nhưng đối tượng này chưa có trong quy định của Luật Dạy nghề, đó là một lỗ hổng lớn.

Bất cập trong việc công nhận bằng tốt nghiệp phổ thông: HS tốt nghiệp THCS khi vào học tại các trường nghề, trường TCCN vừa phải học văn hoá, vừa học nghề. Nhưng khi ra trường, xin việc, bằng nghề được công nhận là TCCN, nhưng không được công nhận là tốt nghiệp THPT nên rất khó xin việc.

Hơn nữa, việc thiếu đội ngũ GV/chuyên gia am hiểu về tâm lý học nghề nghiệp, thông tin thị trường lao động, am hiểu về thực tế ngành nghề xã hội, kinh tế học lao động cũng ảnh hưởng tới chất lượng của giáo dục dạy nghề. Chương trình giáo dục hướng nghiệp dạy nghề phổ thông được thiết kế thiếu kết cấu liên mạch để phát triển con đường học nghề cho các em, tạo điều kiện liên thông ở cấp sau THPT. Bên cạnh đó, động cơ tham gia các lớp học nghề của HS có những lệch lạc. Nhiều trường chưa quan tâm đến chất lượng công tác giáo dục hướng nghiệp. Thiếu sự phối hợp với các doanh nghiệp trên địa bàn để đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp.

Ngoài ra, việc tuyển dụng GV dạy nghề đòi hỏi yêu cầu quá cao: GV vừa phải có trình độ chuyên môn tương xứng, phải có nghiệp vụ sư phạm đúng chuẩn, lại phải có kỹ năng thực hành nghề phù hợp. Trong khi đó chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ đối với GV dạy nghề chưa phù hợp.

Thứ ba, hệ thống giáo dục cứng nhắc, thiếu liên thông. Khả năng liên thông của chương trình đào tạo trong các trường TCCN, trường dạy nghề lên trình độ CĐ và ĐH còn bất cập. Định hướng học tập suốt đời chưa thực sự đi vào nhận thức, tư tưởng của người dân. Bên cạnh đó, sự thiếu hệ thống đánh giá, công

nhận kết quả của việc học tập suốt đời của người lao động, do chưa có khung trình độ năng lực quốc gia cũng làm hẹp đi cánh cửa vào GDNN. Chính điều này ngược lại cũng làm cho việc học tập suốt đời chưa thực sự trở thành xu thế tất yếu trong xã hội.

Thứ tư, cơ cấu hệ thống GDTH và sau trung học cũng ảnh hưởng đến sự phân luồng. Việc phát triển GDPT trong hơn 2 thập kỷ qua đã đạt được thành tích đáng khích lệ. Tuy nhiên, việc mở rộng quá nhanh các trường THPT trong khi hệ thống các cơ sở đào tạo sau trung học chưa đáp ứng nhu cầu học tập của HS tốt nghiệp THPT dẫn đến sự "dồn toa" khá lớn. Mặt khác, chất lượng GDNN ở một số vùng thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ... còn hạn chế cho thấy cần có sự ưu tiên phát triển các cơ sở dạy nghề, TCCN ở những vùng này để giúp HS sớm đi vào con đường học nghề để rồi học liên thông sau này.

Thứ năm, nhiều trường CĐ mới được thành lập từ các trường TCCN dẫn đến tình trạng tuyển sinh tốt nghiệp THCS vào học hệ TCCN giảm đi do còn phải đào tạo các hệ khác. Các trường CĐ cộng đồng chưa đủ mạnh để nhân rộng mô hình vừa dạy chữ, vừa dạy nghề đáp ứng nhu cầu nhân lực tại chỗ và thực hiện phân luồng. Sự bất cập về tính thống nhất trình độ giữa trung cấp nghề và TCCN cũng ảnh hưởng đến nhận thức của người dân khi cho con em vào học, cũng như ảnh hưởng đến việc tuyển dụng của doanh nghiệp đối với HS tốt nghiệp từ 2 loại trường này.

Thứ sáu, công tác quản lý GDNN còn chồng chéo và không thống nhất, chậm đổi mới. Giáo dục TCCN do Bộ Giáo dục và đào tạo quản lý, còn Dạy nghề do Bộ Lao động thương binh và xã hội quản lý.

Để tháo gỡ khó khăn này, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 04/9/2014 về chủ trương sáp nhập 3 trung tâm công lập cấp huyện (trung tâm dạy nghề, trung tâm GDTX và trung tâm KT tổng hợp hướng nghiệp) thành một đơn vị.

Đến nay, đã có 169 huyện thuộc 30 tỉnh, thành phố đã sáp nhập 3 trung tâm nêu trên; có 160 huyện thuộc 24 tỉnh, thành phố đã sáp nhập trung tâm dạy nghề với trung tâm GDTX, hoặc trung tâm dạy nghề với trung tâm KT tổng hợp hướng nghiệp (sáp nhập 2 trung tâm) đặt dưới sự quản lý trực tiếp của ủy ban nhân dân huyện.

Ngày 19/10/2015, Bộ LĐTB&XH đã phối hợp với Bộ GD&ĐT, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch số 96/2015/TTLT-BLĐTB&XH- BGD&ĐT-BNV hướng dẫn cụ thể việc sáp nhập các trung tâm này.

Luật Giáo dục nghề nghiệp (số 74/2014/QH13), tại Điểm d, Khoản 1 Điều 51 đã sửa đổi, bổ sung: Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quyết định đối với trường dự bị ĐH. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về GDNN ở trung ương quyết định đối với trường CĐ.

Ngoài ra, đội ngũ CBQL các cấp chưa đầy đủ, đồng bộ, còn yếu về năng lực quản lý, nhất là quản lý dạy nghề ở các địa phương..., nhưng cho đến nay chưa có bộ tiêu chuẩn năng lực cho đội ngũ này, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của công tác quản lý.

Thứ bảy, công tác hướng nghiệp, tư vấn trong nhà trường chưa có hiệu quả. Thiếu đội ngũ GV hướng nghiệp am hiểu về tâm lý học nghề nghiệp, nhu cầu của thị trường lao động. Phần lớn, GV hướng nghiệp là GV kiêm nhiệm. Hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho HS chưa hiệu quả. Các trường đã chú ý tổ chức các hoạt động hướng nghiệp cho HS THCS và THPT. Tuy nhiên, chỉ chú trọng đến một số hoạt động như: tổ chức ngày hội hướng nghiệp và tư vấn nghề; tổ chức chuẩn bị hồ sơ thi tuyển sinh cho các trường; tổ chức sinh hoạt hướng nghiệp về lựa chọn nghề nghiệp và tổ chức tìm hiểu hệ thống giáo dục CĐ, ĐH, TCCN, dạy nghề. Chưa chú ý nhiều đến các hoạt động: tổ chức hội thảo: thanh niên lập thân, lập nghiệp và tham quan thực tế sản xuất, kinh doanh.

Quy mô và điều kiện của các cơ sở dạy nghề và TCCN chưa đáp ứng được nhu cầu phân luồng. Do đặc điểm phân bố các cơ sở đào tạo TCCN và dạy nghề tập trung nhiều ở khu vực đô thị và ở những vùng kinh tế phát triển hơn so với vùng kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, nên công tác phân luồng tại chỗ chưa đáp ứng. Mặt khác, GV các cơ sở GDNN chưa đáp ứng với đối tượng HS tốt nghiệp THCS cả về số lượng và chất lượng: nếu mỗi năm tuyển thêm khoảng 100.000 HS tốt nghiệp THCS thì GV phải tăng thêm ít nhất 5.000 người, do với nhóm đối tượng mới tốt nghiệp THCS thì các trường TCCN phải bổ sung thêm kiến thức cho họ tương đương bậc THPT. Cơ sở vật chất, trang thiết bị KT của phần lớn các trường trong tình trạng chắp vá, thiếu thốn và chưa tương thích với chương trình, quy mô đào tạo hiện có. Chất lượng giảng dạy chưa cao, nhất là giảng dạy thực hành.

Chương trình dạy nghề và TCCN hiện nay chưa phù hợp với đối tượng tuyển sinh đầu vào là THCS, liên thông giữa GDNN với các bậc học khác trong hệ thống giáo dục còn gặp nhiều khó khăn là nguyên nhân cản trở sự phân luồng. Một số ý kiến cho rằng chương trình các môn văn hoá dạy trong các trường trung cấp nghề, TCCN không thích hợp với đối tượng HS vốn học lực đã yếu, động cơ học tập thấp nên không thể học được. Hệ thống không có cơ chế liên thông giữa giáo dục THPT với giáo dục TCCN và giáo dục sau trung học (CD, ĐH).

Điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn và thiếu việc làm trên thị trường lao động cũng là một trở ngại. Qua báo cáo của các địa phương cho thấy, những tỉnh có khó khăn về kinh tế - xã hội, thiếu việc làm dẫn đến tỷ lệ phân luồng thấp. Nhiều nhà tuyển dụng đòi hỏi người dự tuyển phải tốt nghiệp THPT cũng là trở ngại cho công tác phân luồng sau THCS. Vì vậy, việc phân luồng cần phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu nhân lực của địa phương, gắn kết đào tạo với nhu cầu của xã hội. Những địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, chất lượng GDPT còn hạn chế thì Nhà nước cần có sự quan tâm đầu tư phát triển dạy nghề và TCCN.

Thêm vào đó, thông tin về thị trường lao động ở nước ta còn nghèo nàn và thiếu, nên gia đình và HS không đủ thông tin để lựa chọn ngành nghề phù hợp.

Như vậy, việc phân luồng trong giáo dục của nước ta hiện nay còn rất nhiều bất cập. Bên cạnh những hiệu quả của chính sách phân luồng nhằm tạo được nguồn nhân lực lao động nghề có trình độ cao, kỹ năng chuyên nghiệp, nhưng hiện tại, nhu cầu của sinh viên chủ yếu vẫn hướng về giáo dục đại học do tư duy còn cho rằng giáo dục đại học mới mang lại nghề nghiệp ổn định, lương cao... Mặt khác, chất lượng của các trường cao đẳng nghề hiện nay còn thấp, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo, đội ngũ giáo viên yếu về năng lực thiếu về kinh nghiệm. Quan trọng hơn nữa, các đơn vị tuyển dụng lao động chú trọng yêu cầu bằng đại học cho bất cứ vị trí công tác nào dẫn tới ý thức hệ của xã hội vẫn coi trọng bằng cấp, đặc biệt là bằng đại học mà chưa hiểu bản chất thực sự của giáo dục nghề, do vậy, việc thực hiện phân luồng trong giáo dục hiện nay chưa đạt được hiệu quả cao như mong đợi.